

không gây thiệt hại cho các đơn vị bán hoặc mua lại ngoại tệ.

3. Việc quản lý ngoại hối và thu mua ngoại tệ dưới dạng kiều hối cần có chính sách ưu đãi để động viên người bán và người mang ngoại tệ về cho đất nước. Chính sách khuyến khích thông qua giá mua ngoại tệ có thể căn cứ vào hai yếu tố để động viên như sau:

-Giá mua ngoại tệ chuyển khoản phải cao hơn tiền mặt 1%. Vì giá ngoại tệ chuyển khoản các cơ sở xuất khẩu và đồng ngoại tệ thu về từ sản xuất xuất khẩu đã phải chịu các nghĩa vụ với Nhà nước như thuế...

-Giá mua ngoại tệ bằng tiền mặt cần phù hợp với tình hình thị trường để kích thích được người tiêu xài. Đây là khoản ngoại tệ mang tính chất dịch vụ nhỏ. Nhân đây, chúng tôi đề nghị có khoản thuế thu nhập đối với dạng tiền gởi của người định cư ở nước ngoài cho thân nhân ở trong nước. Theo thông lệ, các hình thức tiền gởi, quà biếu... cho thân nhân, bạn bè, các hội, đoàn trong nước đều xuất phát từ tình cảm gia đình, tình quê hương, nghĩa lòng báo. Việc áp dụng hình thức thuế thu nhập vào đây sẽ tác động làm chùn tay người gởi tiền ở nước ngoài và tạo điều kiện cho việc chuyển ngân lưu phát triển. Thay vào đó, nên chăng áp dụng một số hình thức huy động thích hợp để động viên người thợ hưởng các khoản thu nhập này đầu tư vào các hoạt động kinh tế ích nước lợi nhà.

Tóm lại, trong một nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường, người ta có thể tìm thấy các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh doanh và các quan hệ kinh tế thông qua hoạt động thị trường. Một ngân hàng chuyên doanh xuất nhập khẩu với cơ chế thích nghi với hoạt động thị trường, có cung cách cấp vốn vay nhằm tạo ra ngoại tệ từ hoạt động xuất khẩu sẽ góp phần tăng cường quản lý ngoại hối, phát triển sản xuất trong nước, từ đó mà giúp cho ngành ngoại thương ngày dần một số đơn vị không có khả năng sản xuất kinh doanh tạo ra ngoại tệ, mua bán lòng vòng, đồng thời tránh được các hình thức vay vốn dưới dạng nâng đỡ hàng có thể gây ảnh hưởng xấu đến thị trường trong nước.

DNM.

VẤN ĐỀ ÁP DỤNG THUẾ TRỊ GIÁ GIA TĂNG TẠI VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH HIỆN NAY

□ LG. HOÀNH SƠN VÀ VĂN CHẤN

Như chúng ta đã biết thuế tính trên hàng nhập khẩu mậu dịch và phí mậu dịch chỉ đem lại những số thu có tính chất nhất thời và bấp bênh. Thuế nội địa mới chính là nguồn tài nguyên chắc chắn và bền vững để tài trợ công phí của nhà nước. Do đó, Thuế nội địa đóng một vai trò quan trọng trong nền tài chính xứ sở. Tại nhiều nước chậm phát triển, trung bình thuế nội địa cung cấp trên 50% chi tiêu cho ngân sách nhà nước. Nhưng với Việt Nam, trong những năm gần đây, tỷ lệ tài trợ Ngân sách của thuế nội địa chưa khếch lệ lắm và chỉ đạt một tỷ trọng tương đối là 58%.

Trước các nhu cầu lớn lao về công chi, tình trạng thất thu các nguồn tài nguyên hiện đã làm cho ngân sách nhà nước luôn bị khiếm hụt. Như hiện nay cả nước chưa quản lý 43% số hộ còn lại chủ yếu là hộ quá nhỏ. Để giảm dần tính cách khiếm hụt, nhằm thể hiện mục tiêu tự lực tự cường, hệ thống thuế cần phải được Hội đồng Nhà nước trình Quốc hội duyệt xét lại. Mục tiêu của công cuộc cải tiến hệ thống thuế là phải tăng tiến và hữu hiệu hóa bộ máy hành thu để tận thu đúng mức hầu gia tăng tài nguyên cho ngân sách nhà nước đồng thời tạo sự công bằng và hợp lý đối với nhân dân trong việc đóng góp để xây dựng và phát triển đất nước.

Hệ thống thuế phải bao quát hết các nguồn thu cần thiết và có thể khai thác cho ngân sách nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh, mọi nguồn thu nhập, mọi tiêu dùng xã hội. Phải đề cao ý thức tự nguyện, tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của mọi tổ chức, mọi cá nhân, phần đầu bảo đảm yêu cầu, động viên vào ngân sách nhà nước từ 23% đến 25% thu nhập quốc dân sản xuất trong những năm trước mắt theo



nghị quyết của Quốc hội trong các kỳ họp gần đây.

Trong chiều hướng nói trên, việc nghiên cứu một hệ thống thuế coi là tiến bộ, giản dị, công bằng và hiệu quả hiện được áp dụng rất thịnh hành tại một số nước Âu châu như Đan Mạch, Pháp, Đức, Hòa Lan, Luxemburg, Bỉ và một số nước khác như Thụy Điển, Anh, Hung-ga-ri, Trung Quốc... xét ra rất cần thiết.

Chúng tôi muốn nói đến loại thuế được mệnh danh là Trị giá gia tăng (TGGT - Value Added Tax) nếu có thể áp dụng được tại Việt Nam sẽ là một biện pháp cải tiến rất sâu rộng cho ngành thuế, vì sẽ đem lại sự giản dị tối đa cho các thủ tục hành thu, đồng thời có thể loại bỏ một số loại thuế phức tạp lỗi thời hiện hành.

Quan niệm tính thuế bằng phương pháp trị giá gia tăng (The Value Added Method) phát xuất từ Châu Âu và hiện được áp dụng rất thịnh hành tại các nước trong Khối Cộng đồng Châu Âu (European Community). Đối tượng của thuế trị giá gia tăng bao gồm toàn thể các hoạt động nhằm sản xuất hoặc chuyển biến các sản phẩm hay việc cung cấp các dịch vụ, dù nguyên liệu là vật dụng nhập khẩu hay có sẵn trong nước. Với đối tượng kể trên, căn bản thuế TGGT thật rộng rãi vì coi như bao gồm các khu vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Nói một cách khác, căn bản thuế TGGT đã dựa vào thành phần tài nguyên quan trọng, đó là lợi tức quốc gia. Thuế suất của thuế trị giá gia tăng được qui định tùy theo tình trạng từng nước; có nước áp dụng thuế suất duy nhất nhưng cũng có nước qui định riêng mỗi thuế suất cho từng ngành hoạt động. Thí dụ một số nước đã áp dụng một hệ thống thuế suất Tam đầu (theo nhóm hàng) như hàng hóa thông thường, thực phẩm hoặc nguyên liệu căn bản và hàng xa xỉ phẩm. Theo một khuynh hướng đơn giản hơn, nhiều nước khác như Đan Mạch, Anh, Thụy Điển đã áp dụng một thuế suất duy nhất cho mọi sản phẩm và dịch vụ.

Đối với Việt Nam, với nguyên lý phát triển kinh tế là làm sao để các ngành hoạt động trong nước phát triển điều hòa, cùng nhịp độ (balanced development), thiết tưởng "thuế suất duy nhất" cũng nên áp dụng vì vừa được giản tiện, dễ dàng

trong việc hành thu lại vừa thể hiện nguyên tắc công bằng cho mọi ngành mọi giới.

Với căn bản rộng rãi đủ đảm bảo cho ngân sách nhà nước có một nguồn tài nguyên chắc chắn để tài trợ các công chi và với một thuế suất duy nhất để việc hành thu được đơn giản và công bằng, thuế TGGT được coi là một thứ thuế tối hảo, để giúp chính quyền thi hành thuận lợi công cuộc tài trợ các chương trình và kế hoạch phát triển quốc gia.

Tóm lại, việc áp dụng thuế TGGT trong khung cảnh Việt Nam hiện nay sẽ ra sao? Bình tâm mà suy xét một chút, nhìn lại hệ thống thuế của ta có một số điểm chưa được hoàn chỉnh, nhất là thuế doanh thu, chúng ta nên chờ Hội đồng Nhà

trả sổ sách, chứng từ, cơ sở vật chất của việc tính thuế và theo dõi thuế phải được hiện đại hóa... Trước mắt để hạn chế ảnh hưởng của chế độ thuế doanh thu đến giá cả, đặc biệt đối với khâu thương nghiệp (1% - 2%). Như vậy, dù mặt hàng phải luân chuyển qua 2 - 3 khâu (sản xuất, bán buôn, bán lẻ) như các nhóm hàng tư liệu sản xuất chỉ phải nộp khoảng từ 3%, 4% trên giá trị cuối cùng mà người tiêu dùng phải chịu tư liệu tiêu dùng thiết yếu 4%, 6% nhóm tư liệu tiêu dùng thông thường 7%, 9%, 12% thấp hơn hệ thống thuế suất thu quốc doanh và thu doanh nghiệp cũ. Mặt khác, còn thấp hơn nhiều so với thuế TGGT ở các nước: Pháp : 5,5%, 18,6%, 28% ; Thụy Điển : 23,4% ; Anh : 15% ; Đức : 7%, 14% ; Hung-ga-ri : 15%



nước trình Quốc hội sẽ điều chỉnh vào tháng 6/1991. Như vậy thuế doanh thu có những thiếu sót gì? Đó là nhược điểm chưa giải quyết được triệt để tình trạng thu trùng lặp, nhất là trong khâu thương nghiệp. Nhưng hiện nay, ta chưa có điều kiện để thực hiện chế độ thu thuế doanh thu có khấu trừ số thuế đã nộp ở khâu trước như chế độ thuế đang được áp dụng ở một số nước. Muốn thực hiện thuế TGGT phải có chế độ sổ sách kế toán chặt chẽ, cán bộ thuế có đủ trình độ kiểm

25% ; Trung Quốc : 3%, 5%, 10% ; 15% ; Hòa Lan : 4%, 12%, 15% ; Luxemburg : 2%, 4%, 8% ; Bỉ : 6% ; 14%, 18%, 25%. Do vậy, vấn đề cần thiết phải giải quyết là đưa việc thi hành chế độ sổ sách kế toán vào nề nếp, chuẩn bị làm thí điểm để sau một thời gian sẽ xin ban hành chế độ thuế Doanh thu có khấu trừ (Thu TGGT).

Vì thế, vấn đề áp dụng thuế trị giá gia tăng tại Việt Nam chỉ có thể chờ thời gian mà thôi.

HS và V